

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm
điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu
và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về nhuận bút, thù lao đối với việc sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm bằng nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm mà chủ sở hữu quyền tác giả là Nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhuận bút là khoản tiền do tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm (sau đây gọi là bên sử dụng tác phẩm) trả cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả khi tác phẩm được khai thác, sử dụng.

2. Nhuận bút khuyến khích là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả thêm cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả nhằm khuyến khích sáng tạo tác phẩm thuộc loại đề tài và những trường hợp đặc biệt quy định tại Nghị định này.

3. Thù lao là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho những người thực hiện các công việc có liên quan đến sáng tạo tác phẩm.

Điều 4. Nguyên tắc trả nhuận bút, thù lao

1. Nhuận bút, thù lao được trả trên cơ sở thỏa thuận giữa bên sử dụng tác phẩm và tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Trường hợp tác phẩm do Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thì nhuận bút, thù lao được trả theo hợp đồng đặt hàng, đấu thầu.

2. Mức nhuận bút, thù lao được xác định căn cứ vào loại hình, chất lượng, số lượng, hình thức khai thác, sử dụng và hiệu quả kinh tế, xã hội của tác phẩm.

3. Việc phân chia nhuận bút, thù lao giữa các đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả theo thỏa thuận hoặc mức độ đóng góp trong việc sáng tạo tác phẩm.

4. Nhuận bút khuyến khích được trả cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số; tác giả là người Việt Nam sáng tạo tác phẩm trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, người dân tộc Kinh sáng tạo tác phẩm trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số này sáng tạo tác phẩm trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số khác hoặc sáng tạo tác phẩm trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm và những trường hợp đặc biệt khác.

5. Trường hợp tác phẩm gốc được sử dụng làm tác phẩm phái sinh thì tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm gốc được hưởng một phần trên tổng số nhuận bút khi tác phẩm phái sinh được khai thác, sử dụng.

6. Tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước lập dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí trả nhuận bút, thù lao trong phạm vi nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp, thu từ việc cho phép sử dụng các tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước được giao cho đơn vị quản lý, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHUẬN BÚT, THÙ LAO ĐỐI VỚI TÁC PHẨM ĐIỆN ẢNH

Điều 5. Nhuận bút đối với tác phẩm điện ảnh

N nhuận bút đối với tác phẩm điện ảnh (phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim phóng sự, phim hoạt hình), không phân biệt vật liệu ghi hình, căn cứ vào thể loại, chất lượng, được trả cho các chức danh sáng tạo tác phẩm điện ảnh theo tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí sản xuất được duyệt như sau:

1. Phim truyện

STT	Chức danh	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất
1	Biên kịch	2,25 - 2,75
2	Đạo diễn	2,50 - 3,00
3	Đạo diễn hình ảnh	1,70 - 2,10
4	Thiết kế âm thanh	1,70 - 2,10
5	Người làm kỹ xảo	0,80 - 1,10
6	Người dựng phim	0,70 - 0,80
7	Nhạc sĩ	1,50 - 1,90
8	Họa sĩ	1,00 - 1,20
9	Người làm hóa trang	0,80 - 1,10

2. Phim tài liệu, phim khoa học

STT	Chức danh	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất
1	Biên kịch	4,21 - 5,50
2	Đạo diễn	4,21 - 5,50
3	Quay phim	2,15 - 3,00
4	Người dựng phim	0,43 - 0,80
5	Thiết kế âm thanh	0,86 - 1,40
6	Nhạc sĩ	0,86 - 1,40
7	Họa sĩ	1,00 - 1,50

3. Phim phóng sự

STT	Chức danh	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất
1	Biên kịch	2,70 - 3,20
2	Đạo diễn	2,70 - 3,20
3	Quay phim	2,20 - 2,50
4	Người dựng phim	0,30 - 0,40
5	Nhạc sĩ	0,60 - 0,70

4. Phim hoạt hình

STT	Chức danh	Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất
1	Biên kịch	3,65 - 4,95
2	Đạo diễn	3,65 - 4,95
3	Quay phim	1,80 - 2,50
4	Người dựng phim	0,33 - 0,53
5	Thiết kế âm thanh	0,86 - 1,40
6	Nhạc sĩ	1,30 - 1,80
7	Họa sĩ chính	2,70 - 3,70
8	Họa sĩ dàn cảnh - diễn xuất	2,50 - 3,50
9	Họa sĩ trang trí phong	0,50 - 1,00

Điều 6. Những quy định khác về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh

1. Trường hợp chuyển thể từ tác phẩm văn học, sân khấu và các loại hình tác phẩm thể hiện dưới hình thức tương tự khác sang kịch bản điện ảnh thì biên kịch chuyển thể hưởng từ 60% đến 70% mức nhuận bút biên kịch của tác phẩm cùng thể loại quy định tại Điều 5 Nghị định này, phần còn lại được trả cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm được sử dụng để làm tác phẩm chuyển thể.

2. Tác giả tác phẩm điện ảnh dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số được hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 5% đến 10% mức nhuận bút của tác phẩm cùng thể loại.

3. Bên sử dụng tác phẩm trả thù lao cho diễn viên điện ảnh và nhuận bút, thù lao cho các chức danh nghề nghiệp thuộc các trường hợp khác chưa được quy định tại Điều 5 Nghị định này thông qua hợp đồng thỏa thuận.

4. Trường hợp tác phẩm điện ảnh có chi phí sản xuất cao do các yêu cầu đặc biệt của thiết bị, vật liệu hoặc chi phí lớn khi quay bối cảnh tại nước ngoài, thì mức nhuận bút, thù lao cao nhất không quá 2 lần mức nhuận bút, thù lao của tác phẩm điện ảnh có chi phí sản xuất bình quân được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III**NHUẬN BÚT ĐỐI VỚI TÁC PHẨM MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH****Điều 7. Nhuận bút đối với tác phẩm mỹ thuật**

1. Bên sử dụng tác phẩm mẫu thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả mức nhuận bút theo tỷ lệ phần trăm (%) giá thành tác phẩm, không quá các mức được quy định như sau:

a) Đối với tác phẩm có giá thành đến 10.000 triệu đồng

STT	Giá thành tác phẩm (triệu đồng)	Tỷ lệ phần trăm (%) giá thành tác phẩm
1	Đến 1	60
2	Từ 1 đến 5	60 - 40
3	Từ 5 đến 10	40 - 28
4	Từ 10 đến 20	28 - 27
5	Từ 20 đến 30	27 - 26
6	Từ 30 đến 40	26 - 25
7	Từ 40 đến 50	25 - 24
8	Từ 50 đến 60	24 - 23
9	Từ 60 đến 70	23 - 22
10	Từ 70 đến 80	22 - 21
11	Từ 80 đến 90	21 - 20
12	Từ 90 đến 100	20 - 19
13	Từ 100 đến 200	19 - 18
14	Từ 200 đến 300	18 - 17
15	Từ 300 đến 400	17 - 16
16	Từ 400 đến 500	16 - 15
17	Từ 500 đến 600	15 - 14
18	Từ 600 đến 700	14 - 13
19	Từ 700 đến 800	13 - 12
20	Từ 800 đến 900	12 - 11
21	Từ 900 đến 1.000	11 - 9,9
22	Từ 1.000 đến 2.000	9,9 - 8,9
23	Từ 2.000 đến 3.000	8,9 - 8,0
24	Từ 3.000 đến 4.000	8,0 - 7,2
25	Từ 4.000 đến 5.000	7,2 - 6,5
26	Từ 5.000 đến 6.000	6,5 - 5,9
27	Từ 6.000 đến 7.000	5,9 - 5,4
28	Từ 7.000 đến 8.000	5,4 - 5,0
29	Từ 8.000 đến 9.000	5,0 - 4,7
30	Từ 9.000 đến 10.000	4,7 - 4,5